

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2025 – 2026

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Công điện số 10/CĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở, tuyển sinh trung học phổ thông và quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (Quy chế tuyển sinh);

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (Quy chế trường PTDTNT);

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên (Quy chế trường chuyên);

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều lệ trường trung học);

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Chỉ thị số 115-CTr/TU ngày 21/8/2012 của Tỉnh Ủy Hậu Giang về Chương trình thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và

trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”;

Căn cứ Chương trình số 195-CTr/TU ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư;

Căn cứ Công văn số 3808/VP.UBND-KGVX ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phối hợp triển khai hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định 01/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh về Quy định mức số lượng học sinh/lớp từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hậu Giang xây dựng Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2025 – 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Đảm bảo học sinh đã tốt nghiệp tiểu học được học tiếp tục tại các trường trung học cơ sở; học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có nguyện vọng tiếp tục đi học được tuyển vào các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, các trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyển chọn những học sinh có kiến thức, kỹ năng phù hợp với trình độ của cấp học, bậc học trên cơ sở đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện; giáo dục học sinh thành người có lòng yêu nước, có khả năng học tập, có sức khỏe tốt để tiếp tục phân luồng đào tạo sau trung học theo yêu cầu phát triển của đất nước.

1.2. Yêu cầu

Công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2025-2026 thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh, quy chế hoạt động của các loại hình trường trung học và các quy định hiện hành về tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục Trung học cơ sở trên địa bàn. Hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

2. Tuyển sinh vào lớp 6

2.1. Tuyển sinh vào lớp 6 các trường THCS Công lập

- Thực hiện xét tuyển 100% học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh trung học cơ sở¹ vào học lớp 6 trên cơ sở đảm bảo các qui định của Điều lệ trường trung học; khuyến khích, tạo điều kiện cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật được đến trường.

- Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 của đơn vị trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương sao cho mọi học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục được đến trường², đảm bảo các qui định của Quy chế tuyển sinh và Điều lệ trường trung học trình UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Trường PTDTNT Him Lam xét tuyển lớp 6 người dân tộc và xét tuyển bổ sung học sinh người dân tộc cho các khối lớp 7, 8, 9 (nếu có) theo đúng qui chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; lớp 6 người kinh xét tuyển 100% theo quy định.

2.2. Tuyển sinh cấp THCS các trường tư thục (ngoài công lập)

- Các trường ngoài công lập thực hiện công tác tuyển sinh chủ động theo Kế hoạch của từng trường, sao cho: (1) Đúng qui chế tuyển sinh³ và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của loại hình trường tư thục⁴; (2) phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trường; (3) đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Các trường ngoài công lập xây dựng kế hoạch tuyển sinh cấp THCS năm học 2025-2026 trình về Sở GD&ĐT phê duyệt trước khi thực hiện.

- Trình Danh sách trúng tuyển cấp THCS năm học 2025-2026 về Sở GD&ĐT phê duyệt (qua phòng GDTrH-GDTX) trước ngày 31/8/2025.

3. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT Chuyên Vĩ Thanh

3.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tuyển 09 lớp 10 chuyên với 315 học sinh, trong đó: mỗi lớp không quá 35 học sinh, gồm: 01 lớp chuyên Toán học, 01 lớp chuyên Vật lý, 01 lớp chuyên Hóa học, 01 lớp chuyên Sinh học, 01 lớp chuyên Ngữ văn, 01 lớp chuyên Địa lý, 01 lớp chuyên Lịch Sử, 01 lớp chuyên Tiếng Anh, và 01 lớp chuyên Tin học.

* Lưu ý:

- Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ tổ chức thi tuyển đối với các lớp chuyên có số thí sinh đăng ký dự thi lớn hơn 35 (ba mươi lăm) thí sinh;

- Căn cứ vào tình hình thực tế (số lượng đăng ký tuyển sinh, kết quả điểm thi, số lượng trúng tuyển), Sở Giáo dục và Đào tạo có thể quyết định mở lớp ghép (Toán-Tin,

¹ Điều 3, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Công điện số 10/CĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sử-Địa, . . .), tuyển thêm 01 (một) lớp chuyên cho các môn chuyên đáp ứng yêu cầu (số lượng thí sinh đủ kiện xét tuyển 02 lớp chuyên/môn), đảm bảo phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ và qui chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3.2. Điều kiện dự tuyển

a) Đối tượng tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên: Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học⁵.

b) Có địa chỉ thường trú trong địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đối với học sinh có địa chỉ thường trú ngoài địa bàn tỉnh Hậu Giang xin tuyển sinh vào trường THPT chuyên Vị Thanh do Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

b) Kết quả rèn luyện và học tập cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở đạt từ mức Khá trở lên.

3.3. Đăng ký dự tuyển

Mỗi học sinh chỉ được đăng ký dự tuyển 01 nguyện vọng vào 01 lớp chuyên theo mục 3.1.

Đối với học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp chuyên Lịch sử có thể đăng ký nguyện vọng vào lớp chuyên Địa lí và ngược lại; học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp chuyên Toán có thể đăng ký nguyện vọng vào lớp chuyên Tin học và ngược lại. Trong trường hợp các lớp chuyên Lịch sử và Địa lí, Toán và Tin học tuyển sinh không đủ số lượng học sinh, căn cứ vào tình hình thực tế, Sở GD&ĐT có thể xét nguyện vọng của học sinh để tuyển thành lớp chuyên Sử - Địa, lớp chuyên Toán - Tin với tối đa không quá 35 học sinh/lớp.

3.4. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

3.5. Thời gian thi tuyển: Ngày 06 - 07/6/2025.

3.6. Môn thi và đề thi

a) Môn thi: Gồm 03 (ba) môn thi chung và môn thi chuyên

- 03 (ba) môn thi chung:

+ Môn Toán: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận; thời gian làm bài 90 phút.

+ Môn Ngữ văn: Thi theo hình thức tự luận; thời gian làm bài 120 phút.

+ Môn Tiếng Anh: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận; thời gian làm bài 60 phút.

- Môn thi chuyên: Học sinh đăng ký dự thi vào lớp chuyên nào thì làm bài thi môn chuyên đó. Tất cả các môn chuyên thi theo hình thức tự luận, riêng môn Tiếng Anh thi

⁵ Điều 8, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận và có thêm phần nghe hiểu; thời gian làm bài 150 phút (tất cả các môn).

b) Đề thi: Nội dung đề thi nằm trong chương trình cấp THCS ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 9; đảm bảo độ phân hóa, tăng cường câu hỏi mở, câu hỏi/bài tập gắn với thực tiễn, câu hỏi vận dụng (Sở GD&ĐT sẽ có hướng dẫn riêng).

3.7. Điểm môn thi và hệ số điểm môn thi

- Điểm môn thi tính theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai, không quy tròn điểm.

- Hệ số điểm môn thi: Điểm các môn thi chung tính hệ số 1, điểm môn thi chuyên tính hệ số 2.

3.8. Tuyển thẳng và chế độ khuyến khích vào lớp 10 trường chuyên

a) Tuyển thẳng⁶ vào lớp 10 trung học phổ thông chuyên các đối tượng sau đây: Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế (kể cả giải khuyến khích hoặc giải tự) Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

b) Điểm khuyến khích⁷

- Đối tượng được cộng điểm khuyến khích: Học sinh đạt giải cấp tỉnh Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

- Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi. Trong đó giải Nhất được cộng 1,5 điểm; giải Nhì được cộng 1,0 điểm; giải Ba được cộng 0,5 điểm. Mỗi thí sinh chỉ được cộng một điểm khuyến khích cho một giải cao nhất (không quá 1,5 điểm).

3.9. Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển vào **lớp 10 chuyên** là tổng số điểm các môn thi chung và điểm môn thi chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số) cộng với điểm khuyến khích (nếu có):

$$\boxed{Đ_{XT10Chuyên} = (Đ_{Văn} + Đ_{Toán} + Đ_{TA})_{chung} + Đ_{chuyên} \times 2 + Đ_{KK}}$$

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào các lớp chuyên: Căn cứ vào kết quả điểm thi và tình hình thực tế, Sở Giáo dục và Đào tạo công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào các lớp 10 chuyên sau khi công bố điểm thi phúc khảo.

3.10. Nguyên tắc xét tuyển

Chỉ xét tuyển đối với thí sinh tham gia thi tuyển, đã thi đủ các môn thi quy định, không vi phạm Quy chế thi và điểm bài thi các môn thi chung phải lớn hơn 2,0 điểm, điểm bài thi môn chuyên phải đạt từ 4,0 điểm trở lên. Căn cứ điểm xét tuyển và điểm

⁶ Điểm d, Khoản 1, Điều 14, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁷ Khoản 3, Điều 14, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

chuẩn trúng tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm thi môn chuyên cao hơn; có điểm trung bình cả năm môn chuyên năm học lớp 9 cao hơn; Có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (tốt, khá, Đạt).

4. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT, PTDTNT

4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tuyển 70% học sinh trong đối tượng tuyển sinh⁸ trên địa bàn tỉnh vào học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sĩ số học sinh/lớp theo qui định⁹;

- Trường PTDTNT Tỉnh: Tuyển 02 lớp học sinh người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, đảm bảo tuyển không vượt 35 học sinh/lớp; 02 lớp học sinh dân tộc kinh trong địa bàn tuyển sinh, đảm bảo không vượt quá 45 học sinh/lớp.

4.2. Đối tượng, điều kiện

a) Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh vào lớp 10 THPT: Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học¹⁰.

- Đối với trường PTDTNT tỉnh, ngoài quy định trên, đối tượng tuyển sinh còn phải đúng qui định tại Điều 9 của Quy chế trường PTDTNT (Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Điều kiện tuyển sinh

Học sinh phải có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hậu Giang và có đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp thí sinh chưa có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hậu Giang và các trường hợp đặc biệt khác do Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

4.3. Phương thức tuyển sinh, môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài, thời gian tuyển sinh

a) Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển: Sở GD&ĐT tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT ở tất cả các trường THPT trên địa bàn tỉnh (kể cả 2 lớp dân tộc kinh ở trường PTDTNT Tỉnh).

- Xét tuyển: Đối với 02 lớp 10 dân tộc thiểu số của trường PTDTNT tỉnh.

b) Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh

⁸ Điều 8, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁹ Quyết định 01/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh.

¹⁰ Điều 8, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Trường THPT	Số HS trong địa bàn, địa bàn giáp ranh dự kiến tham gia tuyển sinh	Số lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2025-2026	Số HS lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2025-2026	Bình quân HS/lớp	Tỷ lệ tuyển (%)	Tỷ lệ GV/lớp 25-26
1	Vị Thanh	679	11	475	43	70	2,12
2	Chiêm Thành Tấn	450	7	315	45	70	2,16
3	Vị Thủy	628	10	440	44	70	2,13
4	Lê Hồng Phong	385	6	270	45	70	2,00
5	Vĩnh Tường	177	3	124	41	70	1,80
6	Tây Đô (xã ATK)	401	7	280	40	69,83	2,00
7	Lương Tâm (xã ATK)	297	6	240	40	70	1,94
8	Long Mỹ	806	13	564	43	70	2,11
9	Tân Phú	325	5	225	45	69,23	2,25
10	PTDTNT Tỉnh	230	4	160	40	69,6	2,20
11	Cây Dương	625	10	450	45	70	1,87
12	Hòa An	257	4	180	45	70	1,75
13	Lương Thế Vinh	450	7	315	45	70	2,00
14	Tân Long	349	5	225	45	64	2,00
15	Lê Quý Đôn	473	7	315	45	66,59	2,17
16	Nguyễn Minh Quang	493	8	344	43	69,77	2,19
17	Ngã Sáu	443	7	310	44	69,9	2,09
18	Phú Hữu	254	4	177	44	70	2,33
19	Châu Thành A	508	8	356	45	70	1,93
20	Tầm Vu (xã ATK)	525	9	364	40	70	2,07
21	Cái Tắc	553	9	387	43	70	2,14
22	Trường Long Tây	257	4	180	45	70	1,92
Tổng cộng		9565	154	6696	43	70,01	

c) Thời gian thi tuyển: Ngày 06 - 07/6/2025.

d) Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài

- Môn Toán: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận; thời gian làm bài 90 phút.

- Môn Ngữ văn: Thi theo hình thức tự luận; thời gian làm bài 120 phút.

- Môn Tiếng Anh: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận; thời gian làm bài 60 phút.

d) Đề thi: Nội dung đề thi nằm trong chương trình cấp THCS ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 9 (Sở GD&ĐT sẽ có hướng dẫn riêng).

4.4. Điểm môn thi và hệ số điểm môn thi

Điểm môn thi tính theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai, không

quy tròn điểm. Hệ số điểm môn thi: Toán và Ngữ văn hệ số 2, Tiếng Anh hệ số 1.

4.5. Chế độ tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích trong tuyển sinh¹¹

4.5.1. Tuyển thẳng vào trung học phổ thông các đối tượng sau đây:

- a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở.
- b) Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.
- c) Học sinh là người khuyết tật.
- d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật.
- đ) Học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

4.5.2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi. Trong đó, nhóm 1: được cộng 2,0 điểm; nhóm 2 được cộng 1,5 điểm; nhóm 3 được cộng 1,0 điểm.

- a) Nhóm đối tượng 1:
 - Con liệt sĩ;
 - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
 - Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
 - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
 - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
 - Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- b) Nhóm đối tượng 2:
 - Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
 - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

¹¹ Điều 14, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81 %”.

c) Nhóm đối tượng 3:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4.5.3. Đối tượng được cộng điểm khuyến khích

a) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

b) Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi, bài thi. Trong đó giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

4.5.4. Mức điểm ưu tiên, khuyến khích được cộng tối đa

Trường hợp học sinh thuộc nhiều đối tượng được cộng điểm ưu tiên, khuyến khích thì chỉ áp dụng cho 01 (một) đối tượng được cộng điểm ưu tiên, khuyến khích cao nhất. Điểm cộng tối đa cho các đối tượng ưu tiên, khuyến khích không quá 3,5 điểm.

4.6. Điểm xét tuyển và Nguyên tắc xét trúng tuyển

4.6.1. Đối với các trường tuyển sinh bằng hình thức Thi tuyển

a) Điểm xét tuyển¹²

Điểm xét tuyển (ĐXT) vào lớp 10 THPT gồm: điểm của các môn thi (Đ_{Văn}: Điểm môn thi Ngữ Văn, Đ_{Toán}: Điểm môn thi Toán, Đ_{TA}: Điểm môn thi Tiếng Anh); và điểm ưu tiên (Đ_{UT}), điểm khuyến khích (Đ_{KK}) (nếu có) theo công thức sau:

$$\text{ĐXT}_{10\text{THPT}} = ((\text{Đ}_{\text{Văn}} + \text{Đ}_{\text{Toán}}) \times 2) + \text{Đ}_{\text{TA}} + \text{Đ}_{\text{UT}} + \text{Đ}_{\text{KK}}$$

b) Điểm chuẩn

Căn cứ vào kết quả điểm thi và tình hình thực tế Sở Giáo dục và Đào tạo công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT, PTDTNT trên địa bàn tỉnh sau khi công bố điểm phúc khảo.

c) Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ vào điểm xét tuyển và điểm chuẩn: Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu;

¹² Khoản 6, Điều 13, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (tốt, khá, Đạt); có điểm trung bình cả năm của môn Toán lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn;

- Thí sinh xét trúng tuyển phải có điểm của mỗi môn thi lớn hơn 1,0 điểm.

4.6.2. Đối với 02 lớp dân tộc thiểu số của Trường PTDTNT Tỉnh: Tuyển sinh bằng hình thức Xét tuyển

a) Điểm qui đổi theo kết quả rèn luyện và học tập.

Điểm qui đổi theo kết quả rèn luyện và học tập của mỗi năm học cấp THCS của học sinh được tính như sau:

- Rèn luyện Tốt, học tập Tốt: 10 điểm;
- Rèn luyện Khá, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Khá: 9 điểm;
- Rèn luyện Khá, học tập Khá: 8 điểm;
- Rèn luyện Đạt, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Đạt: 7 điểm;
- Rèn luyện Khá, học tập Đạt hoặc rèn luyện Đạt, học tập Khá: 6 điểm;
- Rèn luyện Đạt, học tập Đạt: 5 điểm.

b) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển ($\text{ĐXT}_{10\text{DTTS}}$) là tổng số điểm của:

- Điểm qui đổi (ĐQĐ) theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó): ĐQĐ lớp 6 (ĐQĐ_6), ĐQĐ lớp 7 (ĐQĐ_7), ĐQĐ lớp 8 (ĐQĐ_8), ĐQĐ lớp 9 (ĐQĐ_9);

- Điểm ưu tiên (mục 4.5.2), điểm khuyến khích (mục 4.5.3) theo công thức sau:

$$\text{ĐXT}_{10\text{DTTS}} = \text{ĐQĐ}_6 + \text{ĐQĐ}_7 + \text{ĐQĐ}_8 + \text{ĐQĐ}_9 + \text{Đ}_{\text{ƯT}} + \text{Đ}_{\text{KK}}$$

c) Nguyên tắc xét trúng tuyển

- Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu;
- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (tốt, khá, Đạt); có điểm trung bình cả năm của môn Toán lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn.

5. Đăng ký tuyển sinh

Thí sinh đủ điều kiện đăng ký tuyển sinh theo quy định tại mục 3.2 và 4.2 của kế hoạch này được đăng ký tối đa 3 (ba) nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10:

- Nguyện vọng chuyên: Trường THPT Chuyên Vị Thanh (phải thi tuyển ở trường THPT Chuyên Vị Thanh);

- Nguyên vọng 1: Trường THPT thứ nhất đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thí sinh đăng ký thường trú (theo địa bàn tuyển sinh của các trường THPT đã trình về Sở GD&ĐT);

- Nguyên vọng 2: Trường THPT thứ hai đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hoặc địa bàn giáp ranh nơi thí sinh đăng ký thường trú. Việc đăng ký nguyên vọng này cần đảm bảo linh hoạt, hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, học tập của học sinh. Các trường THPT được phép tuyển sinh theo nguyên vọng 2 nêu: (1) đơn vị còn chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt theo kế hoạch này sau khi đã xét các thí sinh đủ điều kiện ở nguyên vọng 1 đăng ký vào đơn vị, (2) thí sinh có điểm xét tuyển đảm bảo đúng qui định tại mục 4.6.1.

* Lưu ý:

- Quá trình xét tuyển sẽ ưu tiên theo thứ tự nguyên vọng chuyên, 1, 2; đối với nguyên vọng 2 sẽ ưu tiên xét tuyển thí sinh theo địa bàn (ưu tiên xét thí sinh trong địa bàn trước, nếu còn chỉ tiêu thì xét thí sinh ngoài địa bàn) (Sở GD&ĐT sẽ hướng dẫn riêng);

- Đối với thí sinh có nguyên vọng xét tuyển vào 02 lớp 10 dân tộc thiểu số của Trường PTDTNT Tỉnh (đối tượng người dân tộc thiểu số) chỉ được đăng ký nguyên vọng chuyên (Trường THPT Chuyên Vị Thanh) và nguyên vọng 1 là trường PTDTNT Tỉnh (tuyển sinh theo hình thức xét tuyển); Trường PTDTNT Tỉnh chỉ được phép tuyển sinh các đối tượng từ nguyên vọng chuyên (thi vào trường chuyên) nếu đủ điều kiện theo qui định, không được phép tuyển sinh các đối tượng từ các nguyên vọng 1, 2 ở các trường THPT (kể cả người dân tộc thiểu số) vào 02 lớp dân tộc thiểu số. Đối với 02 lớp dân tộc kinh, Trường PTDTNT Tỉnh thực hiện tuyển sinh như qui định đối với các trường THPT trong tỉnh.

- Căn cứ vào tình hình thực tế: (1) sau khi xét tuyển nguyên vọng 1, Sở GD&ĐT sẽ cho phép thí sinh điều chỉnh nguyên vọng 2; (2) Trường hợp sau khi xét nguyên vọng 2 vẫn không đủ chỉ tiêu, Sở GD&ĐT có thể xét tuyển bổ sung cho đơn vị.

6. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thục và lớp 10 Chương trình GDTX cấp THPT

6.1. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thục (ngoài công lập)

- Các trường ngoài công lập thực hiện công tác tuyển sinh lớp 10 chủ động theo Kế hoạch của từng trường, sao cho: (1) Đúng qui chế tuyển sinh¹³ và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của loại hình trường tư thục¹⁴; (2) phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trường; (3) đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Các trường ngoài công lập xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 trình về Sở GD&ĐT phê duyệt trước khi thực hiện.

¹³ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁴ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trình Danh sách trúng tuyển lớp 10 năm học 2025-2026 về Sở GD&ĐT phê duyệt (qua phòng GDTTrH-GDTX) trước ngày 31/8/2025.

6.2. Tuyển sinh vào lớp 10 Chương trình GDTX cấp THPT

- Các Trung tâm GDNN-GDTX và Trung tâm GDTX tỉnh xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 10 của đơn vị, sao cho: (1) Đúng qui chế tổ chức và hoạt động của từng loại hình trung tâm¹⁵; (2) phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trung tâm; (3) đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Các Trung tâm GDNN-GDTX và Trung tâm GDTX tỉnh trình kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 về Sở GD&ĐT phê duyệt trước khi thực hiện.

- Trình Danh sách trúng tuyển lớp 10 năm học 2025-2026 về Sở GD&ĐT phê duyệt (qua phòng GDTTrH-GDTX) trước ngày 31/8/2025.

7. Công tác ra đề, in sao, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi

a) Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng coi thi; Hội đồng chấm thi và Hội đồng phúc khảo bài thi theo qui định.

b) Cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các hội đồng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Kinh phí thực hiện công tác tuyển sinh

a) Đối với hình thức tuyển sinh bằng thi tuyển

Thực hiện thu chi kinh phí theo qui định tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Đối với hình thức tuyển sinh bằng xét tuyển

Kinh phí tổ chức tuyển sinh trích từ kinh phí được giao hàng năm của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Việc chi kinh phí cho công tác tuyển sinh thực hiện theo qui định hiện hành.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang

- Lập kế hoạch tuyển sinh, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo kế hoạch;

- Hướng dẫn tuyển sinh, chỉ đạo các trường THPT, PTDTNT thực hiện đúng theo

¹⁵ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

kế hoạch tuyển sinh đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Thành lập các hội đồng ra đề thi, in sao đề thi, hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo, thanh tra thi;

- Phê duyệt kết quả tuyển sinh của từng trường THPT; thời gian hoàn thành công tác tuyển sinh trước ngày 30/7/2025;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh THCS và THPT;

- Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh THPT theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

9.2. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trên địa bàn đảm bảo trật tự và an toàn.

9.3. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở.

- Hướng dẫn các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh.

- Quyết định thành lập các Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kết quả tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở của các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9.4. Đối với các trường THPT

- Xây dựng và công khai kế hoạch tuyển sinh của nhà trường (sau khi kế hoạch tuyển sinh được UBND tỉnh phê duyệt); tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo quy định;

- Tuyển sinh học sinh khuyết tật có nhu cầu học theo quy định;

- Lập danh sách các hội đồng tuyển sinh, coi thi, hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo gửi về sở Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu;

- Tiếp nhận hồ sơ của học sinh để giao cho hội đồng tuyển sinh; công bố kết quả tuyển sinh sau khi được giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

- Tiếp nhận các khiếu nại; giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;

- Thực hiện việc kiểm tra nội bộ về công tác tuyển sinh;

- Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ

- Thực hiện thống kê, báo cáo công tác tuyển sinh khi có yêu cầu./.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2025 – 2026 trên địa bàn tỉnh. Đề nghị các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để phê duyệt);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để thực hiện);
- Các trường THPT, THPT chuyên, PTDTNT (để thực hiện);
- Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDTrH-GDTX, P11.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Huyền